TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Xung

2. Bà Đinh Thị Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2017 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 26/01/2018 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh Đ (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ dân phố a, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/11/2017, lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thanh Đ chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung, bà và ông Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, do kinh tế khó khăn, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ năm 2014 và hiện đã sống ly thân. Để giải thoát cho bản thân nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông Đ có 04 con chung gồm: Phan Thị Phương T, sinh năm 1997; Phan Thị Bích H, sinh năm 1999; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2001 và Phan Thị Y, sinh ngày 29/10/2007. Hiện nay, cháu T và cháu H đã thành niên. Bà L đề nghị giao cháu Phan Thị Y, sinh ngày 29/10/2007 cho ông Phan Thanh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành; bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2001 cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị đơn (ông Phan Thanh Đ) trình bày:* Về thời điểm chung sống, không đăng ký kết hôn; nguyên nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng; về con cái, người nuôi con, cấp dưỡng ông đồng ý với ý kiến của bà L; về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong quá trình điều tra:* Cháu Phan Thị Mỹ D (sinh ngày 08/5/2001) có nguyện vọng được ở với bà Nguyễn Thị L và cháu Phan Thị Y (sinh ngày 29/10/2007) có nguyện vọng được ở với ông Phan Thanh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15 và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Phan Thanh Đ là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Thị Y, sinh ngày 29/10/2007 cho ông Phan Thanh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2001 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] 1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan Thanh Đ đều trú tại: tổ dân phố a, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn, bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng với thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về các nội dung tranh chấp:

[2] 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan Thanh Đ đều thừa nhận đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

[3] 2.2. Về nuôi con chung: tại biên bản hòa giải ngày 27/12/2017 và tại phiên tòa các Đ sự đều thống nhất giao cháu Phan Thị Y, sinh ngày 29/10/2007 cho ông Phan Thanh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành; giao cháu Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2001 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành nên cần được chấp nhận.

[4] 2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các Đ sự không yêu cầu nên không xem xét

[5] 2.4. Về tài sản chung, nợ chung: các Đ sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] 2.5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 51và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan Thanh Đ là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Thị Y, sinh ngày 29/10/2007 cho ông Phan Thanh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành; giao cháu Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2001 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các Đ sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00049463 ngày 09/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dũng